TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/HSST
Ngày: 08/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Chiều

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2020, tại hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2019/HSST ngày 24/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2019/QĐXXST-HS ngày 26/12/2019 đối với bị cáo: **Hà Thị L, tên gọi khác Lai**; sinh năm 1978. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường Tích L, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 7/12; con ông Hà Công Đàm và bà Dương Thị Huấn (đã chết); có chồng: Dương Văn T, sinh năm 1972; vợ chồng có 02 con chung, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; *Nhân thân:* Ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 377/2012/HSST.

+ Ngày 25/3/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 39/2014/HSST.

Đã chấp hành xong 02 bản án trên, đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phổ Yên. Có mặt

* Người bị hại: bà Hoàng Thị B; sinh năm 1965 Trú tại: Tổ dân phố 1, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. anh Dương Văn T, sinh năm 1972 (chồng bị cáo); Trú tại: Tổ 5, phường Tích L, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. chị Nguyễn Thị Biên Th; sinh năm 1989; Trú tại: xóm Xuân Trù, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người làm chứng:* anh Hoàng Văn V; sinh năm 1970; Trú tại: xóm Đình, xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Vắng mặt

* Người chứng kiến:

1. anh Chu Đình Qu, sinh năm 19771; Trú tại: Tổ dân phố Kim Thái, phường Ba Hàng , thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Vắng mặt

2. anh Lê Bá H; sinh năm 1961; Trú tại: xóm Thành Lập, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/10/2019, Hà Thị L đi xe mô tô biển kiểm soát 20H2 – 0227, đăng ký mang tên Dương Văn T, sinh năm 1972, trú tại tổ 5, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, chồng Lương (là tài sản chung của vợ chồng Lương) đến chợ Ba Hàng, thị xã Phổ Yên để mua hàng tiêu dùng. Khi đến kiot bán hàng của bà Hoàng Thị B (sinh năm 1965, trú tại tổ 1, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên) ở trong chợ Ba Hàng. Lợi dụng lúc bà B lấy hàng không để ý, Lương lấy trộm 01 túi xách màu đen bên trong có 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ, treo vào móc treo đồ tại xe mô tô của L. Tiếp đó, khi thấy bà B mở ngăn kéo bàn tại kiot lấy bút cộng tiền, L nhìn thấy trong ngăn kéo của bà B có 01 cọc tiền mệnh giá 50.000đồng nên nảy sinh ý định trộm cắp cọc tiền này. L bảo bà B tiếp tục lấy nhiều mặt hàng khác nhau chờ cơ hội khi bà B lấy hàng để cân bán cho L không chú ý, L đã nhanh chóng mở ngăn kéo lấy cọc tiền gồm 100 tờ mệnh giá 50.000đồng đút vào túi áo chống nắng mầu đỏ đang mặc trên người, đi ra xe mô tô vừa đi vừa nói với bà B *"Chị cứ gom hết lại hàng cho em để em ra bảo thằng em em nó vào chở, không nhiều quá em không chở được)*, rồi ngồi lên xe nổ máy tẩu thoát. Thấy nghi ngờ, nên bà B vào mở ngăn kéo ra kiểm tra thì phát hiện bị mất cọc tiền nên đã chạy theo L gọi *"Em ơi, đứng lại đã"* nhưng L vẫn tiếp tục điều khiển xe đi. Bà B liền đuổi theo và chỉ tay về phía L hô hoán nhờ mọi người giữ lại. L đi xe mô tô đến cửa hàng bán hoa quả thì bị người dân giữ lại. Bà B chạy đến nơi nói *"mày lấy tiền của tao thì mày trả tao"* L liền lấy từ trong túi áo ra cọc tiền 50.000đồng trả cho bà B, bà B đếm lại thấy đủ 5.000.000đồng (năm triệu đồng). Công an phường Ba Hàng đã đến lập biên bản sự việc tạm giữ tổng số tiền 5.050.000đ, 01 chiếc túi xách mầu đen L trộm cắp của bà B cùng với 01 xe mô tô biển kiểm soát 20H2 – 0227 và số tiền 395.000đ (ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A7 của L bàn giao cho Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên giải quyết theo thẩm quyền .

Tại Cơ quan điều tra, L đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản tổng số tiền 5.050.000đ (năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 chiếc túi

xách màu đen của bà B. Về nguồn gốc số tiền này, bà B khai do chị Nguyễn Thị Biên Th (sinh năm 1989, trú tại xóm Xuân Trù, Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên) con gái bà B gửi cho bà vào đầu giờ chiều cùng ngày 20/10/2019.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định định giá tài sản chiếc túi sách màu đen L trộm cắp. Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên kết luận không xác định được giá trị tài sản là chiếc túi xách (bà B khai chiếc túi trên được con gái mua cho bà cách đây 02 năm với giá 100.000đồng).

Vật chứng trong vụ án: tổng số tiền 5.050.000đ, cùng chiếc túi xách mầu đen L trộm cắp của bà B, Cơ quan điều tra đã trả cho bà B quản lý sử dụng; số tiền 395.000đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A7 tạm giữ của L, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho L.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu PRETY biển kiểm soát 20H2 – 0227, L dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản của bà B, là tài sản chung của vợ chồng L, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập anh Tuấn (chồng của L) đến làm việc để xác minh làm rõ, nhưng qua xác minh, anh Tuấn không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì. Do vậy, chiếc xe này hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an thị xã Phổ Yên.

Về dân sự: Bà B đã nhận lại toàn bộ số tiền bị mất cùng chiếc túi xách do L trộm cắp nên không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì.

Đối với nguồn gốc số tiền L trộm cắp của bà B, bà B khai là của chị Th (con gái bà B) gửi bà, quá trình điều tra chị Th xác định số tiền trên đã được thu hồi trả lại cho bà Bvà không yêu cầu và đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 12/CT- VKSPY, ngày 24/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố bị cáo Hà Thị L về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết thúc thẩm vấn, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên có quan điểm giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Thị L từ 09-12 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại bà Hoàng Thị B, người bị hại không có đề nghị gì thêm nên không xem xét.

- Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Hà Thị L và anh Dương Văn T (chồng bị cáo) 01 xe mô tô nhãn hiệu PRETY biển kiểm soát 20H2 – 0227, số máy FMG2*000007987, số khung 001LX*00787 và 01 đăng ký xe xe mô tô mang tên Dương Văn T.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì, thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo hiện nay cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, loại tài sản chiếm đoạt.Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Để có tiền tiêu sài cá nhân, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu. Khoảng 15 giờ, ngày 20/10/2019, tại kiot bán hàng số 0476 trong chợ Ba Hàng, của bà Hoàng Thị B, thuộc tổ dân phố Kim Thái, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Hà Thị L đã có hành vi trộm cắp tổng số tiền 5.050.000đ (năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 chiếc túi xách màu đen của bà B chưa kịp tẩu thoát thì bị phát hiện bắt giữ.

Hành vi, ý thức của Hà Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó bản cáo trạng số 12/CT-VKSPY, ngày 24/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Nội dung khoản 1 điều 173 luật quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương. Hành vi của các bị cáo cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xét xử đều về hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: Năm 2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án số 377/2012/HSST ngày 27/9/2012. Năm 2014, bị Tòa án nhân dân

thành phố Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 39/2014/HSST ngày 25/3/2014. Bị cáo đã chấp hành xong cả 02 bản án trên, đương nhiên được xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa lỗi lầm, làm ăn L thiện, trái lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được thu hồi ngay trả lại cho người bị hại nên cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, đã được thu hồi ngay trả lại cho người bị hại, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nên cần thiết phải xử phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp được chấp nhận.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại bà B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Th không có ý kiến gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu PRETY BKS 20H2 – 0227 đăng ký mang tên Dương Văn T (chồng L) được bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản của bà B được xác định là tài sản chung của vợ chồng L.Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập anh Tuấn đến làm việc để xác minh làm rõ, nhưng qua xác minh, anh Tuấn không có mặt tại địa phương cách đây khoảng 02 tháng, không rõ đi đâu làm gì. Điều đó chứng tỏ khi L sử dụng chiếc xe mô tô trên đi trộm cắp anh Tuấn không biết. Nhẽ ra vật chứng trên cần tịch thu ½ giá trị của chiếc xe sung công quỹ nhà nước, nhưng do hoàn cảnh bị cáo hiện khó khăn, chiếc xe máy là phương tiện duy nhất có giá trị nên xét thấy cần trả lại cho gia đình bị cáo quản lý, sử dụng.

[9] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hà Thị L (tên gọi khác: Lai) phạm tội: Trộm cắp tài sản.

1. Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Thị L (tên gọi khác: Lai) **10**(mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/11/2019.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Hà Thị L 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại bà Hoàng Thị B, người bị hại không đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Biên Th không có ý kiến gì về số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà B (mẹ chị) nên không xem xét giải quyết.

4. Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Hà Thị L và anh Dương Văn T (chồng bị cáo) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA DremII (theo đăng ký nhãn hiệu PRETY, biển kiểm soát 20H2 – 0227, số máy FMG2*000007987, số khung 001LX*00787. Tình trạng xe đã han ri, cũ và 01 đăng ký mô tô, xe máy mang tên Dương Văn T, sinh năm 1972 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 05/6/2002. *(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 24/12/2019).*

5. Án phí:Căn cứ điều 135, 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Hà Thị L phải chịu 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.Người bị hại bà Hoàng Thị B; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Biên Th, anh Dương Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bảo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;.
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Chiều

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Mạnh Toàn

*** <u>Nơi nhận:</u>**
- Toà án tỉnh Thái Nguyên
- VKS tỉnh TN
- Sở Tư Pháp TN
- VKS thị xã Phổ Yên
- THADS thị xã Phổ Yên
- Công an thị xã Phổ Yên
- UBND xã Tiên Phong, PY
- Các bị cáo
- Lưu, lưu HS